

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08/6/2021

V/v ly hôn giữa anh Đ và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông: Trương Ngọc Nhân, ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/HNGĐ – TLST ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Cao Văn Đ; sinh năm 197*

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: chị Cao Thị Thanh T; sinh năm 198*

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021 và trong bản tự khai cũng như tại quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cao Văn Đ trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị T kết hôn năm 2011 tại UBND xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2014, do hoàn cảnh gia đình, anh cho vợ đi vào Miền Nam để làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình nhưng kể từ

khi vào đó chị T không chuyên tâm làm ăn mà tham gia vào các tệ nạn xã hội, anh Đ cũng đã nhiều lần nhắc nhở, động viên chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bất thành, từ tháng 01/2021 cho đến nay chị T đã không liên lạc với gia đình nữa, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị T.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao An P, sinh ngày 21/02/2012 hiện tại con đang ở với anh Đ, nguyện vọng của anh Đ là xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai cháu Cao An P có nguyện vọng xin được ở với anh Đ.

Ngày 05/5/2021, Tòa án xác minh việc vắng mặt của chị Cao Thị Thanh T tại Công an xã Trung Hóa được biết chị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Liêm Hóa, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, hiện không có mặt tại địa phương. Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nhà của ông Cao V – là bố đẻ của chị T đã biết Tòa án thụ lý vụ án ly hôn giữa anh Đ và chị T đã thường xuyên về nhà của ông để ở, ông V cũng cam kết là nếu có giấy triệu tập hoặc các giấy tờ khác của Tòa án gửi cho chị T thì ông sẽ liên lạc để thông báo cho chị T biết.

Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập, thông báo mở lại phiên tòa tại UBND xã Trung Hóa.

Bị đơn chị Cao Thị Thanh T không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và thông báo mở lại phiên tòa của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 173 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị T không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 21/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh Đ và chị T. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Anh Cao Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Về con chung: nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng

con là Cao An P, không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Cao Văn Đ và chị Cao Thị Thanh T; về con chung: giao con chung là Cao An P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, do anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét; tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh Đ yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Tuyết, tranh chấp trong vụ án là quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thôn Liêm Hóa, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị T kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh Đ: vợ chồng anh Đ và chị T không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự

khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2021. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung Cao An P, sinh ngày 21/02/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại con đang ở anh Đ, anh Đ cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con, cháu P có nguyện vọng được ở với bố, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con cần giao cháu P cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Cao Thị Thanh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của chị về tài sản chung, nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo chứng cứ và yêu cầu của anh Đ. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[6]. Chị Cao Thị Thanh T được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, chị T đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Cao Văn Đ và chị Cao Thị Thanh T.
2. Về con chung: giao con chung là cháu Cao An P, sinh ngày 21/02/2012 cho anh Cao Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ không yêu cầu chị T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Tòa không xét.
4. Về án phí: anh Cao Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004413 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/6/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh QB;
- UBND xã Trung Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ